



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 Mã số thuế: 3602407038 Điện thoại: (0251).8822.789
 Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0798-25-KT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 10 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI (1)
3. Địa chỉ : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 09/10/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 09/10/2025 – 16/10/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống thoát khí thải số 04 sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 04, 05 (X=118 3315; Y=408 851) (091025-05 (01-KT))

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT,cột B (Kv=0,8, Kp=0,8)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA 02	m ³ /h	51.575	-
2.	Nhiệt độ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	°C	87,0	-
3.	Áp suất ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mBar	1012,1	-
4.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA 05	mg/Nm ³	60,5	128
5.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	77	640
6.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	191	544
7.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	<1	320

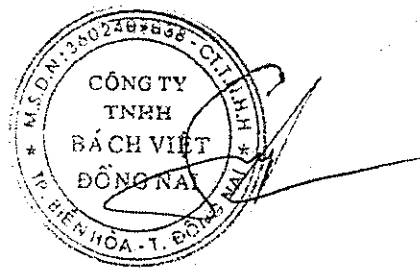
Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 27, Tò 6, Khu phố 6, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế: 3602407038

Điện thoại: (0251).8822.789

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0797-25-KT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 10 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
3. Địa chỉ : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 09/10/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 09/10/2025 – 16/10/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống thoát khí thải số 03 sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01, 02, 03 (X=118 2909; Y=408 834)
(091025-04 (01-KT))

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT, cột B (Kv=0,8, Kp=0,8)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA 02	m ³ /h	72.155	-
2.	Nhiệt độ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	°C	87,6	-
3.	Áp suất ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mBar	1013,2	-
4.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA 05	mg/Nm ³	87,4	128
5.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	65	640
6.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	188	544
7.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	<1	320

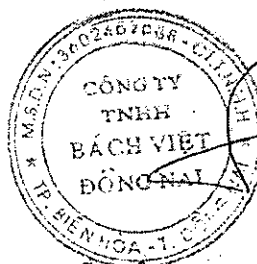
Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11523/2025/PKQ (25.9377)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI**
2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ *Type of sample*: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinates</i>
25.9377.KT.01	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 01 - Dip 05 (nguồn số 18) - CS 69000 m ³ /h	X=1183558, Y=408206
25.9377.KT.02	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 02 - Dip 05 (nguồn số 19) - CS 42000 m ³ /h	X=1183560, Y=408215
25.9377.KT.03	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex - Dip 05 (nguồn số 20) - CS 7300 m ³ /h	X=1183551, Y=408210
25.9377.KT.04	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 03 - Dip 06 (nguồn số 21) - CS 69000 m ³ /h	X=1183539, Y=408212
25.9377.KT.05	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 04 - Dip 06 (nguồn số 22) - CS 42000 m ³ /h	X=1183540, Y=408213
25.9377.KT.06	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex - Dip 06 (nguồn số 23) - CS 7200 m ³ /h	X=1183549, Y=408217

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 01/12/20256. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 17/12/20257. Bảng kết quả/ *Results table*• Bảng 1/ *Table 1*:

STT/ <i>No.</i>	Thông số/ <i>Parameters</i>	Đơn vị/ <i>Unit</i>	Phương pháp thử nghiệm/ <i>Testing methods</i>	Kết quả/ <i>Testing result</i>			QCVN 19:2009/ <i>BTNMT</i>	QCVN 20:2009/ <i>BTNMT</i>
				25.9377. KT.01	25.9377. KT.02	25.9377. KT.03	C _{max} ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	1.3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	-	2.200
2	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32	-
3	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	35.238	22.267	3.585	-	-
4	Styrene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	-	100
5	Formaldehyde ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 + US EPA Method 8270E	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-	20

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test reports are valid only for the sample*2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ *This report will not be reproduced except in full, without approval of company*



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9377. KT.04	25.9377. KT.05	25.9377. KT.06	Cmax ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	1.3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	-	2.200
2	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32	-
3	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	40.225	27.127	3.807	-	-
4	Styrene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	-	100
5	Formaldehyde ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 + US EPA Method 8270E	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-	20

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.

3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

"-": Không quy định

4. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

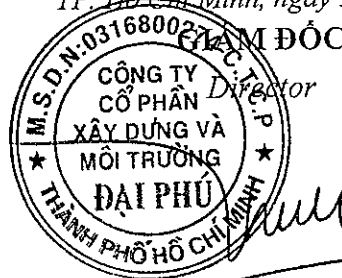
5. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2025



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11527/2025/PKQ (25.9466)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI**
2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ *Type of sample*: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.9466.KT.01	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 05 – Dip 07 (nguồn số 24) - CS 69000 m ³ /h	X=1183519, Y=408217
25.9466.KT.02	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 06 – Dip 07 (nguồn số 25) - CS 42000 m ³ /h	X=1183520, Y=408218
25.9466.KT.03	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex – Dip 07 (nguồn số 26) - CS 7200 m ³ /h	X=1183525, Y=408222
25.9466.KT.04	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 07 – Dip 08 (nguồn số 27) - CS 69000 m ³ /h	X=1183495, Y=408221
25.9466.KT.05	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex – Dip 08 (nguồn số 28) - CS 7200 m ³ /h	X=1183499, Y=408226
25.9466.KT.06	Hệ thống xử lý hơi hóa chất tại công đoạn bán sợi 1 (nguồn số 13) CS 21.480 m ³ /h	X=1183753, Y=408629
25.9466.KT.07	Hệ thống xử lý hơi hóa chất tại công đoạn bán sợi 2 (nguồn số 14) CS 21.480 m ³ /h	X=1183698, Y=408714
25.9466.KT.08	Hệ thống xử lý hơi hóa chất tại công đoạn bán sợi 4 (nguồn số 16) CS 6000 m ³ /h	X=1183596, Y=408946

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 02/12/20256. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 25/12/20257. Bảng kết quả/ *Results table*

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

• **Bảng 1/ Table 1:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9466. KT.01	25.9466. KT.02	25.9466. KT.03	Cmax ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	1.3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	-	2.200
2	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32	-
3	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	36.690	21.149	6.348	-	-
4	Styrene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	-	100
5	Formaldehyde ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 + US EPA Method 8270E	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-	20

• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9466. KT.04	25.9466. KT.05	Cmax ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	1.3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	-	2.200
2	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32	-
3	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	37.986	6.007	-	-
4	Styrene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	-	100
5	Formaldehyde ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 + US EPA Method 8270E	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-	20

• **Bảng 3/ Table 3:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9466. KT.06	25.9466. KT.07	25.9466. KT.08	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	10.772	11.043	4.851	-
2	Diethylamine ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	75
3	Ethylenediamine ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	30

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamatmoitruong.com.vn



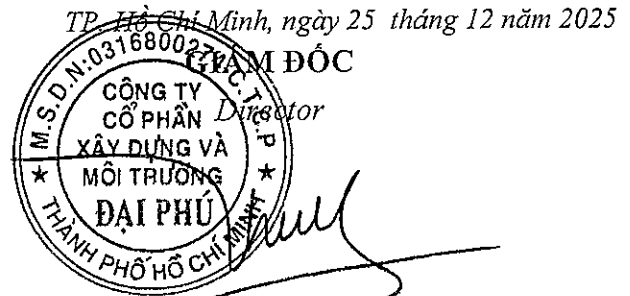
Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

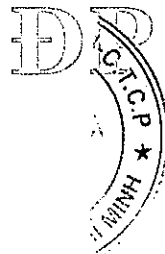
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11528/2025/PKQ (25.9470)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - NHÀ MÁY PTMG
- Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.9470.KT.01	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất số 01 (nguồn số 01) - CS 444 m ³ /h	X=1183430, Y=408840
25.9470.KT.02	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất số 02 (nguồn số 02) CS 444 m ³ /h	X=1183375, Y=408905
25.9470.KT.03	Hệ thống xử lý khí thải và mùi từ hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 08) CS 1.500 m ³ /h	X=1183034, Y=408845

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 02/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 17/12/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9470. KT.01	25.9470. KT.02	25.9470. KT.03	C _{max} ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	-	-	KPH (MDL=0,05)	32	-
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	383	409	820	-	-
3	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	-	-	KPH (MDL=0,5)	4,8	-
4	Tetrahydrofuran (THF) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	-	-	590

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamstatmoitruong.com.vn



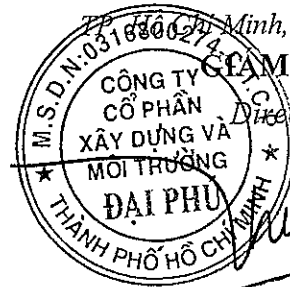
Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 00139/2026/PKQ (25.10480)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3,
KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.10480.KT.01	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 02 - VTY7 (nguồn số 39)- CS 9000 m ³ /h	X=1183648, Y=408015
25.10480.KT.02	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 04 - VTY4 (nguồn số 41) - CS 9000 m ³ /h Dòng thải số 37	X=1183655, Y=407998
25.10480.KT.03	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 01 - VTY 1,2 (VTY 6) (nguồn số 38) CS 9.000 m ³ /h	X=1183662, Y=408015

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 26/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 02/01/2026

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.10480. KT.01	25.10480. KT.02	25.10480. KT.03	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	4.611	5.342	3.834	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	68	64	52	128

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
"-": Không quy định
- (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG

ĐẠI PHÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

ĐP

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11536/2025/PKQ (25.10099)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI**
2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3,
KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ *Type of sample*: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.10099.KT.01	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 06 – VTC8,9 (nguồn số 34) CS 21.000 m ³ /h	X=1183620, Y=408035
25.10099.KT.02	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 07 – NVTC3 (nguồn số 35) CS 21.000 m ³ /h	X=1183614, Y=408015
25.10099.KT.03	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 08 – NVTC4 (nguồn số 36) CS 21.000 m ³ /h	X=1183610, Y=407998
25.10099.KT.04	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 09 (nguồn số 37) CS 36.000 m ³ /h	X=1183615, Y=407992

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 16/12/20256. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 25/12/20257. Bảng kết quả/ *Results table*• **Bảng 1/ Table 1:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ <i>Testing result</i>		QCVN 20:2009/BTNMT
				25.10099. KT.01	25.10099. KT.02	Nồng độ tối đa ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	12.849	11.155	-
2	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	260

• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ <i>Testing result</i>		QCVN 20:2009/BTNMT
				25.10099. KT.03	25.10099. KT.04	Nồng độ tối đa ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	10.818	19.010	-
2	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	260

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



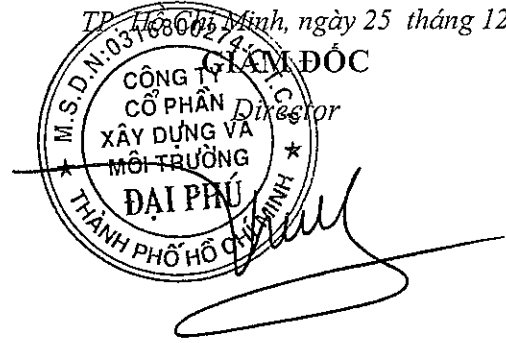
Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
3. (1): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

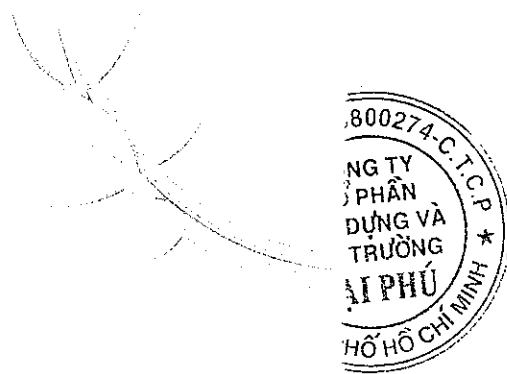
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY

ĐP



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtđaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11535/2025/PKQ (25.10058)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI**
2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3 KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ *Type of sample*: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:



Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.10058.KT.01	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 01 - VTY1,2 (nguồn số 38) - CS 9000 m ³ /h	X=1183658, Y=408007
25.10058.KT.02	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 01 - VTY1,2 (nguồn số 29) CS 30.000 m ³ /h	X=1183645, Y=408054
25.10058.KT.03	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 02 - VTY3,4 (nguồn số 30) CS 30.000 m ³ /h	X=1183630, Y=408060
25.10058.KT.04	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 03 - VTY5,6 (nguồn số 31) CS 30.000 m ³ /h	X=1183607, Y=407985
25.10058.KT.05	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 04 - VTY7,8 (nguồn số 32) CS 21.000 m ³ /h	X=1183607, Y=407979

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 15/12/20256. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 27/12/20257. Bảng kết quả/ *Results table*• **Bảng 1/ Table 1:**

STT/ <i>No.</i>	Thông số/ <i>Parameters</i>	Đơn vị/ <i>Unit</i>	Phương pháp thử nghiệm/ <i>Testing methods</i>	Kết quả/ <i>Testing result</i>			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.10058. KT.01	25.10058. KT.02	25.10058. KT.03	C _{max} ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	4.723	15.542	17.744	-	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	67	-	-	128	-
3	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	-	260

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test reports are valid only for the sample*2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ *This report will not be reproduced except in full, without approval of company*



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 20:2009/BTNMT	
				00277-25.10058. KT.04	25.10058. KT.05	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	19.919	13.420	-
2	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	260

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

"-": Không quy định

3. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

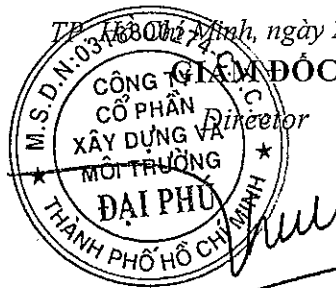
4. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

ĐP



ĐOÀN THỊ THỦY

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 11532/2025/PKQ (25.10051)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.10051.KT.01	Hệ thống xử lý hơi dầu công đoạn bắn sợi 1 (nguồn số 09) - CS 30000 m ³ /h	X=1183864, Y=409025
25.10051.KT.02	Hệ thống xử lý hơi dầu công đoạn bắn sợi 2 (nguồn số 10) - CS 30000 m ³ /h	X=1183787, Y=409039
25.10051.KT.03	Hệ thống xử lý hơi dầu công đoạn bắn sợi 3 (nguồn số 11) - CS 15000 m ³ /h	X=1183787, Y=409039
25.10051.KT.04	Hệ thống xử lý hơi dầu công đoạn bắn sợi 4 (nguồn số 12) - CS 20000 m ³ /h	X=1183787, Y=409039

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 15/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 24/12/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/BTNMT
				25.10051. KT.01	25.10051. KT.02	Cmax ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	19.773	12.083	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	52	48	128

• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/BTNMT
				25.10051. KT.03	25.10051. KT.04	Cmax ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	9.691	19.642	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	44	50	128

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
"-": Không quy định
2. (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

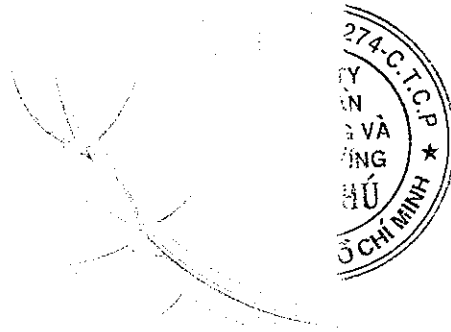
NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2025



ĐOÀN THỊ THỦY

ĐP



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11529/2025/PKQ (25.9642)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

- Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI**
- Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường Nguyễn Văn Cội, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
- Loại mẫu/ *Type of sample*: **Khí thải**
- Thông tin mẫu/ *Sample information*:



Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.9642.KT.01	Hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 05 – VTY9 (nguồn số 33) CS 36000 m ³ /h	X=1183618, Y=407991
25.9642.KT.02	Hơi dầu từ công đoạn bắn sợi 109 (VTY 12) (nguồn số 43) CS 36000 m ³ /h	X=1183619, Y=407997
25.9642.KT.03	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 05 – NVTC3,4 (nguồn số 42) - CS 9000 m ³ /h	X=1183648, Y=408015
25.9642.KT.04	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 03 - VTY3 (nguồn số 40) - CS 9000 m ³ /h Dòng khí thải 36	X=1183659, Y=407982
25.9642.KT.05	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 06 (VTY 5) (nguồn số 44) CS 9000 m ³ /h	X=1183663, Y=407989

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 05/12/20256. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 18/12/20257. Bảng kết quả/ *Results table*• Bảng 1/ *Table 1*:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ <i>Testing result</i>			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9642. KT.01	25.9642. KT.02	25.9642. KT.03	C _{max} ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	18.245	15.138	5.099	-	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	-	-	64	128	-
3	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	-	-	260

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test reports are valid only for the sample*2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ *This report will not be reproduced except in full, without approval of company*



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamstatmoitruong.com.vn



Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/BTNMT
				25.9642. KT.04	25.9642. KT.05	Cmax ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	4.517	1.676	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	52	56	128

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

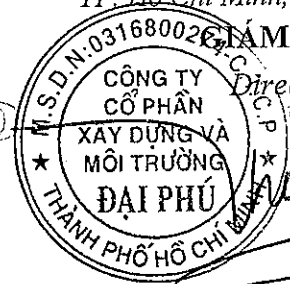
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC

ĐP



Director

ĐOÀN THỊ THỦY



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, DN.

Điện thoại: (0251).8822.789

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0662-25-KT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI (1)
3. Địa chỉ : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 20/08/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 21/08/2025 - 27/08/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống thoát khí thải số 04 sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 04, 05 (X=118 3315; Y=408 851)
(200825-04 (01-KT))

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT,cột B (Kv=0,8, Kp=0,8)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA Method 02	m ³ /h	41.588	-
2.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA Method 05	mg/Nm ³	77,8	128
3.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	50	640
4.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	92	544
5.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	18	320

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRẠI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
 VRRPTN: Số 27.16 ở Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, DN.
 Điện thoại: (0251).8822.789
 Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0661-25-KT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
3. Địa chỉ : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 20/08/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 21/08/2025 – 27/08/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống thoát khí thải số 03 sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01, 02, 03 (X=118 2916; Y=408 829)
 (200825-03 (01-KT))

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT,cột B (Kv=0,8, Kp=0,8)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA Method 02	m ³ /h	70.942	-
2.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA Method 05	mg/Nm ³	82,6	128
3.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	99	640
4.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	38	544
5.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	2	320

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
 (1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

ĐẠI DIỆN
 PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 0-15

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
 VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp p. Tp. Biên Hòa, DN.
 Điện thoại: (0251).8822.789
 Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0451-25-KT

Đồng Nai, ngày 10 tháng 06 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI (1)
3. Địa chỉ : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
4. Ngày lấy mẫu : 22/05/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 23/05/2025 - 30/05/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống thoát khí thải số 04 sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 04, 05 (220525-04 (01-KT))

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT, cột B (Kv=0,8, Kp=0,8)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA Method 02	m ³ /h	41.326	-
2.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA Method 05	mg/Nm ³	81,3	128
3.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	74	640
4.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	113	544
5.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	37	320

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
 VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp p. Tp. Biên Hòa, ĐN.
 Điện thoại: (0251).8822.789
 Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0450-25-KT

Đồng Nai, ngày 10 tháng 06 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
3. Địa chỉ : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Thị Trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
4. Ngày lấy mẫu : 22/05/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 23/05/2025-30/05/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ông thoát khí thải số 03 sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01, 02, 03 (250525-03 (01-KT))

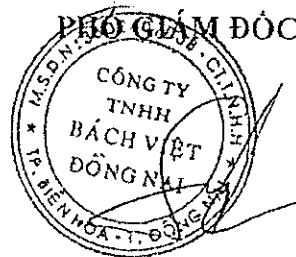
STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT,cột B (Kv=0,8, Kp=0,8)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA Method 02	m ³ /h	54.369	-
2.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA Method 05	mg/Nm ³	83,1	128
3.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	146	640
4.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	83	544
5.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	5	320

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI



VŨ LÊ DUY KHÁNH



Mã số/ Ref. No: 05421/2025/PKQ (25.4753)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4753.KT.01	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 01 – Dip 05 (nguồn số 18) - CS 69000 m ³ /h	X=1183558, Y=408206
25.4753.KT.02	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 02 – Dip 05 (nguồn số 19) - CS 42000 m ³ /h	X=1183562, Y=408215
25.4753.KT.03	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex – Dip 05 (nguồn số 20) - CS 7300 m ³ /h	X=1183551, Y=408210
25.4753.KT.04	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 07 – Dip 08 (nguồn số 27) - CS 69000 m ³ /h	X=1183495, Y=408221
25.4753.KT.05	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex – Dip 08 (nguồn số 28) - CS 7200 m ³ /h	X=1183499, Y=408226

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 23/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

- Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4753. KT.01	25.4753. KT.02	25.4753. KT.03	C _{max} ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0.05)	KPH (MDL=0.05)	KPH (MDL=0.05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	34.931	21.922	3.734	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4753. KT.04	25.4753. KT.05	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0.05)	KPH (MDL=0.05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	35.015	3.648	-

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
- KPH: Không phát hiện (<MDL); Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

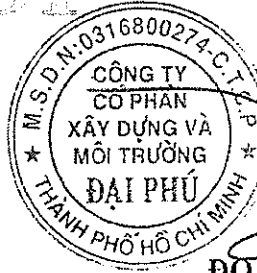
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 05419/2025/PKQ (25.4759)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4759.KT.01	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 03 – Dip 06 (nguồn số 21) - CS 69000 m ³ /h	X=1183539, Y=408212
25.4759.KT.02	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 04 – Dip 06 (nguồn số 22) - CS 42000 m ³ /h	X=1183540, Y=408213
25.4759.KT.03	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex – Dip 06 (nguồn số 23) - CS 7200 m ³ /h	X=1183549, Y=408217
25.4759.KT.04	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 05 – Dip 07 (nguồn số 24) - CS 69000 m ³ /h	X=1183519, Y=408217
25.4759.KT.05	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 06 – Dip 07 (nguồn số 25) - CS 42000 m ³ /h	X=1183520, Y=408218
25.4759.KT.06	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex – Dip 07 (nguồn số 26) - CS 7200 m ³ /h	X=1183525, Y=408222

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 23/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4759. KT.01	25.4759. KT.02	25.4759. KT.03	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0.05)	KPH (MDL=0.05)	KPH (MDL=0.05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	37.108	24.144	4.393	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4759. KT.04	25.4759. KT.05	25.4759. KT.06	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	40.008	23.148	3.998	-

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột B. K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km. cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

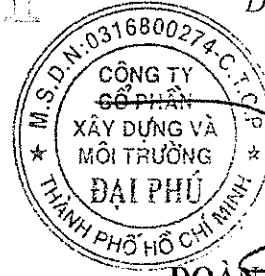
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
Director

ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 05417/2025/PKQ (25.4824)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4824.KT.01	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 01 - VTY1,2 (nguồn số 38) - CS 9000 m ³ /h	X=1183658, Y=408007
25.4824.KT.02	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 02 - VTY7 (nguồn số 39) - CS 9000 m ³ /h	X=1183648, Y=408015
25.4824.KT.03	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 03 - VTY3 (nguồn số 40) - CS 9000 m ³ /h	X=1183647, Y=407979
25.4824.KT.04	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 04 - VTY4 (nguồn số 41) - CS 9000 m ³ /h	X=1183655, Y=407998
25.4824.KT.05	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi 05 - NVTC3,4 (nguồn số 42) - CS 9000 m ³ /h	X=1183659, Y=407982

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 24/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4824. KT.01	25.4824. KT.02	25.4824. KT.03	Cmax ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	5.819	4.707	6.739	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	84	55	48	128

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4824. KT.04	25.4824. KT.05	Cmax ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	5.147	5.422	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	56	62	128

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

"-": Không quy định

2. (1): Cột B, K_p=0.8; K_v=0.8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành. nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km. cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 05412/2025/PKQ (25.4921)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4921.KT.01	Hệ thống xử lý hơi dầu công đoạn bắn sợi 1 (nguồn số 09) - CS 30000 m ³ /h	X=1183864, Y=409025
25.4921.KT.02	Hệ thống xử lý hơi dầu công đoạn bắn sợi 2 (nguồn số 10) - CS 30000 m ³ /h	X=1183787, Y=409039
25.4921.KT.03	Hệ thống xử lý hơi dầu công đoạn bắn sợi 3 (nguồn số 11) - CS 15000 m ³ /h	X=1183783, Y=409021
25.4921.KT.04	Hệ thống xử lý hơi dầu công đoạn bắn sợi 4 (nguồn số 12) - CS 20000 m ³ /h	X=1183635, Y=409014

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 26/06/2025
6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025
7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	
				25.4921.KT.01	25.4921.KT.02
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	15.535	16.037
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	21	19

• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	
				25.4921.KT.03	25.4921.KT.04
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	7.518	16.596
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	18	24

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận. *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*

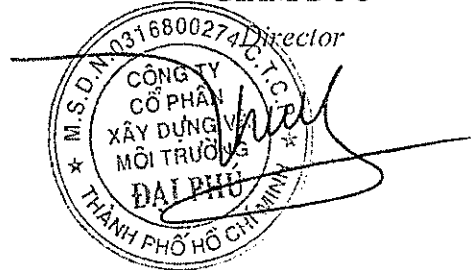
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

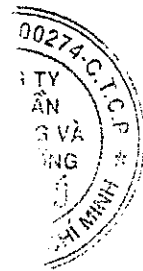
NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC



ĐOÀN THỊ THỦY

DP





Mã số/ Ref. No: 05410/2025/PKQ (25.4924)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - NHÀ MÁY PTMG - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4924.KT.01	Hệ thống xử lý khí thải và mùi từ hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 08) - CS 1500 m ³ /h	X=1183034, Y=408845

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 27/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 10/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4924.KT.01	C _{max} ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	889	-
3	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH (MDL=0,5)	4,8

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.

3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

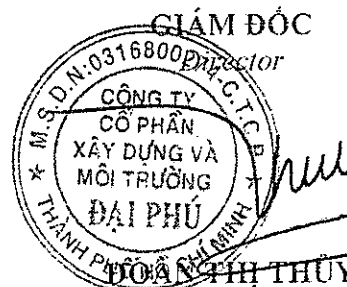
"-": Không quy định

4. (1): Cột B. K_p=0,8; K_c=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

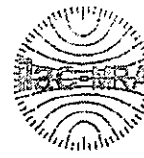
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ





CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
 VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.
 Điện thoại: (0251) 8822.789
 Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VIMCERTS 045

VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0140-25-KT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
3. Địa chỉ : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Thị Trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
4. Ngày lấy mẫu : 16/03/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 17/03/2025-24/03/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ông thoát khí thải số 03 sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01, 02, 03 (160325-02 (01-KT))

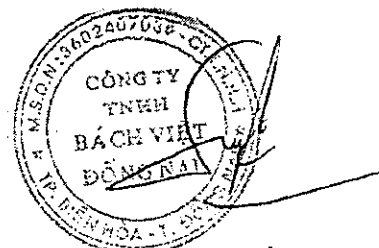
STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT, cột B (Kv=0,8, Kp=0,8)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA Method 02	m ³ /h	49.649	-
2.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA Method 05	mg/Nm ³	92,3	128
3.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	118	640
4.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	27	544
5.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	20	320

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
 (1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

**ĐẠI DIỆN
 PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
 VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.
 Điện thoại: (0251).8822.789
 Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0139-25-KT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI (1)
3. Địa chỉ : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
4. Ngày lấy mẫu : 16/03/2025, trời nắng
5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
6. Thời gian thử nghiệm : 17/03/2025 – 24/03/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống thoát khí thải số 04 sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 04, 05 (160325-01 (01-KT))

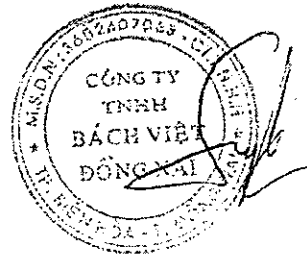
STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009 /BTNMT, cột B (Kv=0,8, Kp=0,8)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA Method 02	m ³ /h	40.077	-
2.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA Method 05	mg/Nm ³	79,0	128
3.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	49	640
4.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	67	544
5.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	7	320

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
 (1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH